

## Dân tộc học



## NƯỚC NGOÀI

## CÁC CÁCH TIẾP CẬN NHÂN HỌC ĐỐI VỚI XÃ HỘI ĐÔ THỊ VÀ XÃ HỘI PHỨC HỢP

THOMAS WEAVER  
DOUGLAS WHITE

Hiệu đánh giá phương pháp luận và các kỹ thuật Nhân học đối với việc nghiên cứu môi trường đô thị là quá muộn. Các xã hội nông dân và nguyên thủy quy mô nhỏ lâu nay vẫn được coi là lĩnh vực nghiên cứu và phân tích chủ yếu của nhà Nhân học. Gulick đã nói rằng:

“...vì họ gắn bó với ý tưởng bao quát hết thảy về văn hóa, các nhà Nhân học có xu hướng cho rằng các nguyên lý của họ về hành vi con người có khả năng áp dụng phổ biến, và theo đó, đã đưa ra những tuyên bố phổ quát về bản chất và những vấn đề của toàn thể các xã hội, kể cả những môi trường đô thị (hay các thành phố) trong đó. Do vậy, một cách gián tiếp và có lẽ thường là vô hình trung, các nhà Nhân học đã quan tâm cả việc nghiên cứu các thành phố. Nhưng họ tiến hành nghiên cứu trực tiếp ở/về các thành phố chỉ với mức độ ít ỏi so với những nghiên cứu mà những người không phải Nhân học đã tiến hành tại những nơi này”.

Sự quan tâm đến Nhân học đô thị đã tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây. Đây là một kết quả logic và tất yếu của nỗi quan tâm lâu dài của chúng ta đến toàn thể các nền văn hóa, và là sự bù đắp cho việc bỏ qua đô thị trong những nghiên cứu của chúng ta vốn cho đến nay chủ yếu tập trung ở nông thôn.

Nhân học và Xã hội học có một số tổ tiên chung về học thuật, và mặc dù chúng phát triển theo đường hướng khác nhau, các khác biệt giảm đi khi các nhà Nhân học chuyển sang những bờ bến mới ở nước nhà, còn các nhà Xã hội học chuyển sang những bờ bến mới ở nước ngoài. Ngoài cốt lõi phương pháp nghiên cứu cộng đồng, một phương pháp hiện nay đã hoàn toàn được tiếp thu vào Xã hội học, Nhân học đã không đóng góp được cho nghiên cứu đô thị những khái niệm, vấn đề Nhân học riêng biệt, hay một khung lý thuyết.

Điều chúng tôi sẽ thử đánh giá ở đây, bằng cách so sánh với Xã hội học, là nêu cụ thể cái gì Nhân học có để cống hiến cho những nghiên cứu đô thị, và những vấn đề gì Nhân học phải đối mặt trước khi nó có thể có những cống hiến đó. Những khái niệm Nhân học hiện hành có phải là một cách mới để tiếp cận thành phố? Hay ngành Nhân học đô thị sẽ phát triển những khái niệm và cách tiếp cận mới mà sau đó sẽ được nhập vào và cơ cấu lại dòng chủ lưu của ngành này, như chuyện đã xảy ra với Xã hội học đô thị và các lĩnh vực cụ thể khác nhau trong Nhân học? Nếu cần làm Nhân học phong phú lên bằng việc tập trung vào nghiên cứu đô thị, liệu chúng ta có thể làm việc đó chỉ bằng cách thông qua đối thoại với Xã hội học,

hay sự cống hiến sẽ chủ yếu đến từ chính những nghiên cứu điền dã về đô thị của bản thân chúng ta? Nó có phải khác hẳn với một bộ khung Xã hội học, hay ngành Nhân học đô thị sẽ chỉ đơn giản tái phát minh ra Xã hội học, có lẽ chỉ để vỡ lẽ ra rằng đó chính là Xã hội học dưới một cái tên mới, nhưng đã lỗi một 50 năm?

Rất có thể là khoa học xã hội sẽ xuất hiện với một lý thuyết hệ thống về xã hội đô thị. Chúng ta nên xem xét có phê phán tiềm năng sử dụng Nhân học và những cống hiến cho một lý thuyết hệ thống đô thị. Có thể đánh giá một lý thuyết hệ thống đô thị trên một quy mô lớn hơn nếu từ chất liệu của nó về các xã hội nguyên thủy và nông dân, Nhân học sẽ phải phát triển một lý thuyết tổng quát về cộng đồng.

### **Những cống hiến của Nhân học vào nghiên cứu đô thị**

Các nhà Nhân học có trách nhiệm nghiên cứu đô thị vì một lý do không gì khác hơn là sửa chữa một quan niệm sáo cũ và không khôn ngoan trước kia về thành phố, một quan niệm ra đời khi họ so sánh người nguyên thủy với người dân thành phố. Chẳng hạn người nguyên thủy có xu hướng được ca ngợi bằng cách so sánh với xã hội hiện đại.

Trong phép lưỡng phân nổi tiếng giữa đô thị với dân dã của Redfield, thì xã hội nông dân được coi là trung gian giữa xã hội dân dã (nguyên thủy) với xã hội đô thị, và quan tâm chủ yếu của Redfield đến xã hội đô thị là để tạo ra một tương phản nhằm hiểu xã hội dân dã. Redfield xếp xã hội đô thị nằm ở cực đối lập với loại xã hội dân dã, và suy rút ra những đặc điểm của

nó từ tác phẩm của Wirth và Park. Khi phát hiện ra rằng những loại hình lý tưởng này không phù hợp với thực tế, nhất là khi chúng xem xét xã hội dân dã, một sự phê phán đông đảo và rộng khắp đã dấy lên từ các nhà nghiên cứu như Tax, Wirth, Lewis, Kolb, Duncan và Reiss, Hauser v.v.

Với tư cách là những chuyên gia về văn hóa, các nhà Nhân học có trách nhiệm nghiên cứu thành phố và mối liên hệ qua lại giữa văn hóa, hành vi và các thể chế hay cấu trúc xã hội. Tuy nhiên ở đây một lần nữa công việc ban đầu phụ thuộc nhiều hơn vào những quan niệm sáo cũ về nền văn hóa hay tính cách dân tộc. Những nghiên cứu về tính cách dân tộc không nhất thiết là sai lệch do thiếu thông tin trực tiếp; đúng hơn, chúng dựa trên cơ sở quan sát những khối dân cư nhất định để thấy trong cái xã hội tạo nên quốc gia hoặc dân tộc. Quan niệm sáo cũ trong trường hợp này được phát triển do người ta cho rằng tính cách hay nền văn hóa dân tộc là thuần nhất, hay rằng cái *vi mô* được nghiên cứu chính là bức chân dung chính xác của cái *vĩ mô* cấp quốc gia.

Khả năng có thể sai của việc đánh đồng cái *vĩ mô* với *vi mô* là một điểm yếu lý luận không tránh khỏi đến mức mang tính chất định mệnh trong việc chuyển từ phương pháp nghiên cứu cộng đồng Nhân học sang các thành phố ở xã hội phức hợp. Cách tiếp cận chính thể Nhân học gặp rắc rối khi nó cố gắng nắm bắt một nền văn minh phân hóa và không thuần nhất bằng một công thức đơn giản hóa và một phong cách dân tộc chí vốn chỉ sử dụng cho các xã hội quy mô nhỏ.

Kinh nghiệm của ngành Nhân học xã hội Anh là một bài học thấm thía xét về mặt hệ vấn đề mới do các nghiên cứu điền dã đô thị sinh ra. Các nhà Nhân học xã hội Anh bắt đầu các nghiên cứu đô thị ở Vương quốc Anh và châu Phi sau chiến tranh thế giới thứ hai, và những khái niệm mà họ phát triển đã minh họa cho một xu hướng phần lớn trái ngược với các trào lưu Xã hội học chung. Ví dụ trong các nghiên cứu đô thị châu Phi, người ta bắt đầu nghi ngờ khái niệm của Wirth về tính không thuần nhất nổi bật của thành phố. Không tập trung vào sự tan rã tổ chức và mất chuẩn mực, các nghiên cứu về Anh quốc và châu Phi bắt đầu xem xét các hình thức tổ chức xã hội ở thành phố và khác biệt của chúng so với tổ chức nông thôn. Chẳng hạn Elizabeth Bott nhận thấy rằng gia đình và quan hệ thân tộc ở London là một mạng lưới lỏng lẻo, chứ không chặt chẽ như ở các xã hội nông thôn. Young và Willmott đưa ra tư liệu về tầm quan trọng của các biểu trưng nguyên sơ trong các giá trị và quan hệ xã hội hiện hành trong hệ thống quan hệ thân tộc đô thị của một khu dân cư phía đông London.

Eisenstadt cho rằng cống hiến chủ yếu là cái mô hình Nhân học đã cố gắng liên kết môi trường thể chế với cơ cấu nhóm và hành vi xã hội thông qua nghiên cứu điền dã sâu rộng. Một số nghiên cứu cho thấy một mối quan hệ chặt chẽ của các nhân tố này bên trong lòng từng khối của xã hội phức hợp, trong khi đó các khối khác được điều tiết thông qua các cơ chế phân hóa và tản mát hơn là khuôn khổ cho phép của Nhân học xã hội. Eisenstadt cho rằng nhà Nhân học bị bắt buộc phải phát triển các phương thức phân tích mới trong các xã

hội phức hợp, vì ba yếu tố này trong mô hình Nhân học đã rõ ràng.

Trong những năm 1960, các nhà Nhân học Anh bắt đầu kiểm lại sự đột phá của họ vào Nhân học đô thị và việc nghiên cứu xã hội phức hợp. Freedman đặt ra vấn đề các cách tiếp cận phương pháp luận mới đối với thuyết chỉnh thể Nhân học trong các nghiên cứu xã hội phức hợp. Vào khoảng gần như đồng thời, xã hội phức hợp đã trở thành một chủ đề của một hội nghị mở rộng của Hội Nhân học xã hội Anh. Mandelbaum, Eisenstadt, Gulick, Banton, Southall và Leeds đã tiến hành những khảo sát lý thú về cống hiến và giới hạn của các khái niệm và công cụ của các nhà Nhân học trong việc nghiên cứu các xã hội phức hợp và đô thị.

Cũng cần kể ra công việc trong lĩnh vực tiếp biến văn hóa và Nhân học ứng dụng gắn liền với việc nghiên cứu xã hội hiện đại. Các nghiên cứu về tiếp biến văn hóa từ khoảng năm 1934 đến đầu những năm 1950 thu hút sự chú ý tới ranh giới của các nền văn hóa, các nền văn hóa thống trị và chinh phục, các nhóm phức hợp. Những nghiên cứu về người Indian Bắc Mỹ trong môi trường đô thị, nhất là khi nói đến sự chuyển chỗ, di cư và thích nghi với đời sống thành thị là những cống hiến tương đối mới vào Nhân học đô thị.

### **Những vấn đề Nhân học trong các nghiên cứu đô thị**

Cái cần có để bổ sung cho các nghiên cứu điền dã mới về đô thị trong Nhân học là một cách nhìn thành phố trong một bối cảnh rộng hơn. Cần tìm ra những hệ quả của việc áp dụng các khái niệm cơ bản của Nhân học vào một hoàn cảnh đô thị phức

hợp. Cần lập lại sự cân bằng cho khuynh hướng người Mỹ tập trung vào Nhân học đô thị ứng dụng bằng cách xem xét điều mà Nhân học có thể làm trong môi trường đô thị, khác với các ngành khoa học khác. Cần lập lại sự cân bằng cho xu hướng coi đô thị hóa là một quá trình hiện đại hóa duy nhất trong một mô hình dân dã - đô thị tối đơn giản bằng việc xem xét hàng loạt lối sống đô thị đa dạng cùng những hệ quả của chúng.

Để đánh giá quan hệ Nhân học - đô thị, chúng tôi đề nghị khảo sát sáu vấn đề tương phản chính từ Nhân học và Xã hội học. Đầu tiên là ba vấn đề cần giải quyết hoặc định nghĩa trước khi Nhân học có thể có ảnh hưởng đầy đủ ở môi trường đô thị: (1) Vấn đề phân biệt quy mô của trường xã hội với tính phức hợp; (2) Vấn đề thuyết chỉnh thể Nhân học và quan hệ giữa các bộ phận với tổng thể trong các nghiên cứu đô thị; (3) Những vấn đề về quan niệm trong việc nghiên cứu văn hóa và phong tục ở thành phố. Ba vấn đề kia là sự mở rộng của các vấn đề này: (4) Nhận diện những sự giống nhau và khác biệt về quan niệm với Xã hội học; (5) Mở rộng các kỹ thuật trong Nhân học đô thị, và (6) Sự phát triển Nhân học đô thị so sánh và một lý thuyết về xã hội phức hợp.

### Quy mô

Sự phân công lao động ngầm giữa Xã hội học và Nhân học trên cơ sở quy mô hay tính phức hợp của xã hội, một sự phân công đang bị phá vỡ trong thực tế, đòi hỏi rằng nhà Nhân học phải bắt tay vào khảo sát khía cạnh quan niệm của vấn đề này. Nói rằng nhà Nhân học tập trung nghiên cứu các xã hội "quy mô nhỏ"

nghĩa là gì? Rõ ràng là nhà Nhân học tập trung công việc của mình vào một nhóm mặt đối mặt hay vào trường xã hội quy mô nhỏ. Khi anh ta áp dụng điều này vào xã hội đô thị, chắc chắn anh ta cũng sẽ tìm ra các nhóm sơ cấp ở nhóm mặt đối mặt. Xét trên bề mặt, điều này có thể trái ngược với sự khẳng định của Xã hội học, rằng ở thành phố các nhóm sơ cấp kém quan trọng hơn.

Phương pháp đi vào quy mô nhỏ nhưng có chiều sâu mà các nhà Nhân học sử dụng là nhằm tìm ra những cách lý giải và chức năng xã hội của những điều phức hợp trong mạng lưới xã hội và thể chế ở những khu vực mà các nhà Xã hội học dễ thường dừng lại, không tìm kiếm. Rất có thể người ta có quyền đặt câu hỏi: liệu điều đó là do nhà Nhân học đã đưa kinh nghiệm làm việc với các xã hội quy mô nhỏ của mình vào tình huống phức hợp, hay nếu ghi nhớ rằng một phương pháp nghiên cứu quy mô nhỏ không đồng nhất với một nghiên cứu về một xã hội quy mô nhỏ, thì liệu điều đó có thể là do thực tế suốt bao lâu các nhà Nhân học vẫn làm việc ở những xã hội phức hợp?

Rất có thể quan niệm cho rằng chỉ gần đây Nhân học mới cố gắng đề cập tới các xã hội phức hợp chỉ là một sự ngộ nhận. Kích cỡ tổng thể của các nhóm hay cộng đồng mà các nhà Nhân học - cả Anh và Mỹ - nghiên cứu, và kích cỡ của những xã hội bên ngoài bao trùm lên chúng cho thấy rằng thực ra chúng ta đang đề cập đến những xã hội phức hợp hoặc quy mô lớn hơn là chúng ta tưởng. Thực ra quan niệm cho rằng các nhà Nhân học chủ yếu quan tâm đến các xã hội nguyên thủy,

nông dân hay quy mô nhỏ có lẽ là hoang đường hay đáng tranh cãi, chứ không đúng sự thật. Nếu đúng vậy, người ta phải đặt câu hỏi vì sao chuyện hoang đường này cứ tiếp tục, và những gánh nặng lý luận và phương pháp luận của một quan niệm vô bổ này là gì. Tuy nhiên, các nhà Nhân học Mỹ có lẽ chịu ảnh hưởng của câu chuyện hoang đường này hơn các nhà Nhân học Anh.

Trở lại với chủ đề liệu các nhà Nhân học hiện đang làm việc ở các xã hội quy mô nhỏ hay xã hội phức hợp, ít nhất đối với Nhân học Anh vốn đang làm việc tại các khu vực châu Phi, châu Âu, Ấn Độ, Cận Đông, Trung Quốc và các nơi khác thuộc Cựu Thế giới, thì có lẽ đúng hơn là họ đang làm việc với các xã hội phức hợp. Đối với các nhà Nhân học Mỹ phần lớn làm việc ở Bắc và Nam Mỹ và ở Oceania với các xã hội bản địa, thì câu ngạn ngữ rằng "theo truyền thống xưa nay, các nhà Nhân học làm việc ở các xã hội quy mô nhỏ" có lẽ đúng. Đây có thể là một lý do vì sao Nhân học Anh đến nay đã vượt xa các nhà Nhân học Mỹ trong việc phát triển các công cụ để nghiên cứu xã hội đô thị. Vấn đề cơ bản liên quan đến khác biệt giữa hai nhãn quan, tức là làm việc ở một xã hội quy mô nhỏ và một xã hội quy mô lớn nghĩa là gì?

Burton Benedict đã đề cập đến vấn đề quy mô. Ông phân biệt giữa hai hiện tượng: quy mô, vốn là một khái niệm Xã hội học về mật độ vai trò, với tính phức hợp, vốn là một khái niệm chung về sự phát triển xã hội tùy theo các nhân tố kinh tế - công nghệ và chính trị. Xét về kích thước lãnh thổ, "có thể có một xã hội

quy mô nhỏ trên một lãnh thổ rất lớn. Cũng có thể có một phần của một xã hội quy mô lớn trên một lãnh thổ rất nhỏ (ví dụ Luxemburg hay Monaco)". Một xã hội có thể phức hợp về kinh tế, nhưng do kích cỡ nhỏ, nên mật độ vai trò và cơ cấu chính trị lại mang đặc điểm của những xã hội quy mô nhỏ vốn không phức hợp. Ở cực kia của chuỗi tương phản, một xã hội có thể có quy mô nhỏ, nhưng cư trú trên một lãnh thổ lớn. Benedict phân biệt hai kiểu chính của xã hội quy mô nhỏ về mặt này: (1) Kiểu có trường xã hội tổng thể nhỏ, và (2) Kiểu có các nhóm nhỏ đan cài vào nhau - như trong một cơ cấu phân mảnh - trong khắp cả một cư dân khá lớn.

Sau khi định nghĩa quy mô là cái tương đương với mức độ của trường xã hội và mật độ vai trò như vậy, chúng ta có thể tìm thấy những nhóm xã hội tương đối gắn bó, nằm trong lòng xã hội đô thị (chúng khác nhau về đặc điểm này) và so sánh chúng về mặt này, bất kể mạng lưới kinh tế hay xã hội bên ngoài chúng phức hợp ra sao. Vấn đề phân tích các nhóm xã hội trong xã hội đô thị trở nên nhiều chiều cạnh khi thừa nhận sự phân biệt giữa tính phức hợp với quy mô.

Wolf cho rằng chính việc nghiên cứu các nhóm quy mô nhỏ, nằm ở khe hở của một xã hội phức hợp là nhiệm vụ của Nhân học. Điều này cho thấy rằng các nhà Nhân học có một thiên hướng mạnh mẽ là nghiên cứu vùng ngoại vi, chứ không phải vùng trung tâm, nông cốt. Nhưng nếu như các nhà Nhân học xưa nay theo truyền thống chỉ nghiên cứu người dân vùng ngoại vi, coi như họ biệt lập, thì bây giờ các nhà Nhân học cũng

phải tập trung vào các quá trình đang nổi lên vùng ngoại vi với trung tâm, và ở xã hội đô thị họ phải có khả năng phân tích vùng trung tâm để nối nó với những kết quả nghiên cứu của họ từ những khe hở của xã hội.

Những hệ quả của các quá trình mang tính tình huống đối với xã hội bên ngoài và sự phân tích cấu trúc mà C.W. Mills kêu gọi khi nghiên cứu các vấn đề xã hội ở xã hội đô thị và phức hợp đã trở thành một chiếc cầu quan trọng mà các nhà Nhân học cần vượt qua để lĩnh vực nghiên cứu của họ mang lại kết quả trong môi trường đô thị. Hãy còn quá sớm để tiên đoán kết quả vì các nhà Nhân học chưa thử gắn kết các kết quả phân tích vi mô của họ với bộ khung rộng lớn hơn này. Vì thế, phải bắt tay vào làm việc đó.

Tóm lại, về khái niệm quy mô, chúng tôi thấy rằng cống hiến trực tiếp của các nhà Nhân học không phải là hướng vào những vấn đề và cơ cấu chính trị xã hội quy mô lớn, nơi Xã hội học, Kinh tế học, Khoa học chính trị, Sử học và các ngành ứng dụng vốn đặc biệt có thế mạnh, mà là một chiến lược làm việc từ dưới lên, dựa trên sự phân tích theo chiều sâu để tìm ra những dòng mạch ảnh hưởng đến những hiện tượng rộng lớn này của những nhân tố văn hóa xã hội vốn quy định hành động trong sự cấu trúc tình huống. Các quá trình xã hội không chính thức, các kiểu ra quyết định thực tế không chính thức và việc nghiên cứu những phương thức cơ bản của giao dịch và giao tiếp con người - với sự phân tích Nhân học về các thành tố vật chất và biểu trưng của hành động - là những cống hiến chính, rút ra từ cái mà

chúng ta đã học được khi nghiên cứu các khảo sát không phải ở đô thị về cộng đồng và xã hội tổng thể.

### *Thuyết chỉnh thể*

Nền kinh tế và tôn giáo, tổ chức chính trị và sinh thái, cơ cấu và tổ chức xã hội, quan hệ thân tộc và hiệp hội, tái sinh sản và nhân khẩu - tất cả những khía cạnh này có thể và phải được đề cập đến trong một cách tiếp cận lý thuyết thống nhất đối với thành phố. Tuy nhiên, nếu nhà Nhân học trên thực địa hay trong nghiên cứu trường hợp của mình chỉ có thể đề cập với một khối nhỏ, thì khi ấy liệu anh ta có thể liên kết những nghiên cứu cụ thể của mình vào một quan điểm tổng thể hơn về thành phố, theo đúng với truyền thống "thuyết chỉnh thể" của anh ta không? Có vẻ rằng nhà Nhân học đối diện với vấn đề thuyết chỉnh thể ở hai cấp độ: ở cấp độ đơn vị nghiên cứu nhỏ nhất của anh ta - tức cộng đồng hay khu dân cư - và khi anh ta xem xét sự liên kết của nó với các đơn vị tương tự khác ở cấp độ xã hội phức hợp. Thuyết chỉnh thể Nhân học, một khác biệt nữa giữa Xã hội học và Nhân học, là một nỗ lực nhằm nắm bắt được những biến số đan xen lẫn nhau khi chúng xuất hiện trong bối cảnh thu thập dữ liệu về cộng đồng và văn hóa. Kroeber cho rằng nguồn gốc cách tiếp cận chỉnh thể trong Nhân học là ở chỗ họ phải làm việc với những người nguyên thủy. Chính bản thân cách tiếp cận chỉnh thể đã nhấn mạnh tầm quan trọng của "thuyết tương đối văn hóa" trong Nhân học. Nó cũng đề cập đến sự gắn bó của nhà Nhân học với những khái niệm như "thuyết chức năng" và quan niệm cho rằng các "đơn vị" của một nền

văn hóa có liên quan và phụ thuộc vào nhau. Nó lý giải vì sao suốt trong chuyên luận này chúng tôi nhấn mạnh sự cần thiết phải nhận diện các đơn vị trong lòng thành phố và quan hệ của chúng với một thực thể lớn hơn nào đó như quốc gia hay nhà nước.

Sự quan tâm của Nhân học đến thuyết chỉnh thể đặt ra nhiều vấn đề. Thứ nhất, có những câu hỏi về làm thế nào gắn bộ phận với tổng thể dưới góc độ các đơn vị phân tích, xác định các bộ phận, ranh giới, và những mối liên hệ của phân hệ thống. Thứ hai, có vấn đề xác định tổng thể với tư cách là một cấu trúc liên hợp hay một tập hợp các khái niệm trong đó các phát hiện có liên quan với nhau. Nếu những vấn đề này không được giải quyết thỏa đáng, những cống hiến nêu trên của Nhân học có thể nhạt nhòa đi đến mức trở thành vụn vặt.

Người ta có thể xét đến những cống hiến của Xã hội học trong việc nhận diện các đơn vị nghiên cứu thích hợp khi người ta có ý tưởng đánh giá xem chúng có thể giúp nhà Nhân học như thế nào. Sử dụng các khái niệm quen thuộc trong Nhân học không giúp ích gì cho người ta nếu chúng được bê nguyên xi, hoàn toàn không cải biên. Việc xem xét các khái niệm như văn hóa và xã hội có thể làm sáng tỏ vấn đề này. Ví dụ ở một nhóm nguyên thủy nhỏ, tương đối dễ vạch ranh giới, thì có thể định nghĩa "xã hội" như những người sống ở một nơi có ranh giới, và định nghĩa "văn hóa" là hàng loạt các chuẩn mực, giá trị, hành vi và lối sống của những người này. Hai khái niệm này gặp nhiều vấn đề ở môi trường đô thị rộng hơn. "Xã hội" ở thành

phố là gì? Là toàn bộ cư dân hay các tiểu đơn vị của cư dân? Chúng ta có quan tâm đến liên văn hóa không? Liệu chúng ta có thể nói đến các tiểu xã hội hay các đơn vị tiểu văn hóa của một khu đô thị lớn hơn không? Nếu có, chúng khác nhau ra sao, và những tiểu đơn vị này gắn kết với nhau như thế nào?

Đơn vị phân tích thích hợp về văn hóa ở thành phố là gì? Có hay không một hoặc nhiều tôn ti thứ bậc các nền văn hóa? Nếu không, làm sao người ta có thể giải thích được sự thống nhất của các chuẩn mực và hành vi chung của các tiểu đơn vị như nhóm tộc người, các đơn vị kinh tế và chính trị đặc biệt, các nhóm quy chiếu, các thể chế? Một nền tiểu văn hóa là một bộ phận của một nền văn hóa tổng thể mà một phân nhóm của nhóm tổng thể cùng chia sẻ. Gordon coi một nhóm tồn tại bên trong xã hội mang tầm quốc gia của chúng ta như vậy là tiểu xã hội, và nhận diện bốn nhân tố, hay bốn phạm trù xã hội, vốn đóng vai trò nhất định trong việc tạo ra chúng: nhóm tộc người, giai cấp xã hội, nơi cư trú đô thị hay nông thôn, và khu vực cư trú trong nước.

Những người cung cấp thông tin cho nhà Nhân học có thể nhận diện và định ranh giới các nền văn hóa (hay tiểu văn hóa) với tư cách là bộ phận của hệ thống các biểu trưng có ý nghĩa (cách tiếp cận người trong cuộc); hoặc có thể định ranh giới các nền văn hóa (tiểu văn hóa) dưới góc độ sự lựa chọn những đơn vị *thích hợp* nhất của nhà Nhân học, ít nhất xét về mặt vấn đề nghiên cứu của chính anh ta (cách tiếp cận người ngoài cuộc). Đối với nhà Nhân học ở cộng đồng nhỏ, hai giải

pháp này nhập làm một vì, nhằm mục đích thực tiễn của cả nhà Nhân học lẫn người cung cấp thông tin, ranh giới vật chất của cộng đồng trùng với nền văn hóa.

Khái niệm nhóm quy chiếu mà những người theo thuyết tương tác biểu trưng (G.H. Mead, E. Goffman) có công đóng góp trong Xã hội học thì được bổ sung bằng một khái niệm cụ thể hơn nhiều là nhóm có cùng bản sắc mà hiện nay các nhà Nhân học đang sử dụng. Những khái niệm như vậy cho ta một cách để tiếp cận vấn đề về các đơn vị và ranh giới thông qua việc phân tích các đối tượng được nói đến và các bản sắc bộc lộ trong tương tác xã hội. Trái ngược với việc định ranh giới một nhóm xã hội một cách khiên cưỡng, việc này cho ta một cách để tiếp cận tính chất có ranh giới của nhóm, dù là nhóm mở hay nhóm khép kín, dưới góc độ những quan niệm về bản thân trong hành vi thực tế, một hành vi có thật đối với những người tham gia. Sử dụng các kỹ thuật của khoa học tộc người trong tập này, tường trình của Spradley về cái tạo nên quan niệm về bản thân của nhóm người lang thang là một trường hợp điển hình.

Nếu người ta lập luận rằng nhóm quy chiếu và nhóm cùng bản sắc đưa ra một định nghĩa "của người trong cuộc" về ranh giới, và việc nghiên cứu các khối dân cư đô thị phải bắt đầu từ các đơn vị được xác định theo quan điểm của "người trong cuộc" để tạo nên khả năng so sánh, thì có một số điều tương tự lý thú trong khoa học tộc người, và chúng gợi cho thấy rằng hai cách tiếp cận sẽ gặp nhau. Những đơn vị phân tích mang tính thao tác trong Xã hội học đô thị thường bao gồm các khu vực

được chia theo điều tra dân số hoặc các quận, nhưng các cách tiếp cận phân tích vi mô mới mẻ hơn đối với mẫu hình sử dụng không gian của các cộng đồng khác nhau đã cho thấy nhiều phương pháp tinh vi hơn để vẽ ranh giới cộng đồng. Như vậy, các cách tiếp cận của người trong cuộc rút cục sẽ tiếp cận các đơn vị có ranh giới tự nhiên hơn để so sánh, giống hệt như việc phân tích ngôn ngữ về mặt ngữ âm sẽ khiến cho ta có thể nhận diện các thành tố trong cuộc. Việc nghiên cứu ranh giới xã hội và sự tương tác giữa các nhóm theo quan điểm người trong cuộc và ngoài cuộc sẽ dễ trở thành một trong những cống hiến quan trọng nhất của một ngành Nhân học đô thị.

Một cách khác để tiếp cận các bộ phận của hệ thống đô thị là thông qua sự phân tích thể chế hay phân tích theo khối: khảo sát gia đình, tổ chức công việc, giáo hội và tôn giáo, giáo dục... Ngay nếu như sự gắn kết giữa các thể chế hay giữa các thể chế với các tình huống và nhóm xã hội trở nên lan man, thì vẫn chẳng có lý do gì để vứt bỏ cách Nhân học tiếp cận các thể chế thông qua phân tích theo chiều sâu và quan sát tham dự. Chẳng hạn sự phân tích Nhân học về gia đình đô thị đã chứng tỏ nó phong phú hơn hẳn sự phân tích của nhà Xã hội học. Eisenstadt đã nêu ra lý do của việc này rất chính xác. Vì nhà Nhân học đã quen tìm những quan hệ qua lại giữa các thể chế, hành vi xã hội, và nhóm xã hội; anh ta rất vui vẻ thử tìm những quan hệ còn phức hợp hơn bắt nguồn từ những thể chế trong môi trường đô thị phức hợp. Về mối quan hệ giữa bộ phận với tổng thể, thì quan niệm về các khối hứa hẹn trở nên ngày càng quan trọng với

tư cách một công hiến của Nhân học đô thị. Người ta đã ngụ ý nói tới khái niệm của Wolf về khu trung tâm và khu ngoại ô trong xã hội đô thị phức hợp.

Một kiến tạo khác để phân tích quan hệ giữa bộ phận với tổng thể là khái niệm các cấp độ, hay như cách dùng của Steward, các cấp độ phân tích văn hóa xã hội. Như vậy cho tới nay người ta cho rằng các nhà Nhân học vẫn có xu hướng làm việc phần lớn ở những cấp độ liên kết thấp của xã hội đô thị ở các trường xã hội quy mô nhỏ, nằm ở ngoại vi, hay những kẽ hở. Điều này có lẽ vẫn đúng, nhưng chúng tôi thấy rằng các nhà Nhân học cũng có thể tạo nên những công hiến có ý nghĩa y hệt như vậy vào việc nghiên cứu những cấp độ liên kết rộng lớn hơn. Không nhất thiết phải vứt bỏ các thủ thuật nghiên cứu xã hội quy mô nhỏ theo chiều sâu.

Sự phân tích thể chế có liên quan đến sự liên kết rộng hơn của xã hội đô thị và có thể vẫn dùng việc nghiên cứu sự tương tác không chính thức và mặt đối mặt. Tương tự như vậy, những nghiên cứu về tính cách dân tộc chủ yếu được tiến hành dưới góc độ sự tương tác mặt đối mặt trong một bối cảnh tương đối hạn hẹp, và bối cảnh này là nhóm quy chiếu cho sự đua tranh quốc gia về mặt văn hóa.

Nói gọn lại, nhà Nhân học đã đúng khi vẫn là một chuyên gia về những phương pháp khảo cứu quy mô nhỏ, đi vào chiều sâu, nhưng khi trình bày vấn đề nghiên cứu của anh ta, cũng như khi diễn giải các kết quả, anh ta phải ngày càng là một người có hiểu biết chung về các ngành khoa học khác. Quan trọng hơn, anh ta phải phát triển những phương pháp luận thích hợp để qua đó có thể gắn các kết quả

của anh ta với cơ sở lý thuyết đã được chứng minh của một lý thuyết hệ thống về xã hội đô thị phức hợp. Trong quá trình đó, anh ta có thể nỗ lực tìm ra những cách kết hợp mới về phương pháp luận giữa các phương pháp điều tra và chọn mẫu quy mô lớn với những nghiên cứu tình huống theo chiều sâu của anh ta, hay các cách thức để kết hợp những khái niệm về các quá trình sự kiện quy mô nhỏ với những mô hình chính thức vốn có thể tái tạo những tác động của chúng ở các quá trình và phạm vi lớn hơn. Anh ta cũng là người duy nhất được trang bị để đưa nhãn quan nhìn xa và dài, mang tính tiến hóa của Nhân học xen vào với bộ khung hệ thống chung và vào những nguyên tắc chung về lịch sử so sánh rộng lớn, ví dụ như sự quan tâm của Kroeber đến sự tăng trưởng và văn minh.

### *Văn hóa*

Một nét khác biệt hơn nữa của Nhân học vốn có liên quan đến việc thảo luận thuyết chỉnh thể và xác định những đơn vị phân tích nghiên cứu thích hợp là việc sử dụng khái niệm "văn hóa". Những bàn luận trong chuyên luận này đã cho thấy sự muôn hình muôn vẻ của các định nghĩa về thành phố. Tuy nhiên vẫn còn vấn đề làm sao giải quyết được vấn đề về nội dung văn hóa của thành phố. Với tư cách là thùng chứa, liệu thành phố có phải một cái túi hổ lớn của các nền văn hóa (tiểu văn hóa), hay có thể nói bản thân thành phố có một "nền văn hóa"? Làm thế nào người ta gắn với nhau các "nền văn hóa" của các đơn vị khác nhau của xã hội mà ta đã mô tả ở phần trước?

Các phương pháp quen dùng để phát hiện ra hay xác định văn hóa đô thị

thường không phân biệt được sự khác biệt giữa văn hóa với sinh thái. Nên xác định một nền văn hóa đô thị dưới góc độ cơ cấu nội tại của nó mà không nhất thiết phải nêu ranh giới về môi trường - nó có thể vượt qua ranh giới của thành phố và không cứ phải là lối sống của cả thành phố.

Khái niệm văn hóa và việc nghiên cứu tập tục thông qua phân tích theo chiều sâu vẫn có thể tiếp tục đóng một vai trò cơ bản trong những cống hiến của Nhân học vào những nghiên cứu đô thị. Chúng tôi đã mô tả cách thức có thể sử dụng các khái niệm quy mô, ranh giới nhóm, trung tâm - ngoại vi, quan hệ theo khối, các cấp độ liên kết, và tiểu hệ thống để định ranh giới các yếu tố, các quan hệ qua lại và khung lý giải nhằm phân tích xã hội phức hợp và để phân biệt các cấp độ tổ chức các hệ thống văn hóa.

Sự quan tâm của nhà Nhân học đến văn hóa có thể tương phản với việc nhà Xã hội học quan tâm đến xã hội hay vấn đề xã hội trên quy mô lớn, mặc dù anh ta có thể theo cách tiếp cận cộng đồng hoặc bắt tay vào những nghiên cứu vi mô về các nhóm nhỏ, dẫu ít thường xuyên hơn. Rất ít có khả năng rằng nhà Nhân học sẽ tập trung vào cùng những vấn đề lý luận như nhà Xã hội học, dù cả hai đều đã cống hiến vào những lĩnh vực như nghiện rượu, bệnh tật, nhóm tộc người, xung đột và phe phái, và nghèo khổ (chỉ kể tên vài lĩnh vực). Các nhà Nhân học dễ theo một cách tiếp cận toàn diện hay tổng thể hơn khi khảo sát cùng những vấn đề và chủ đề như nhau. Mặt khác, các nghiên cứu Xã hội học nói chung không quan tâm đến "cái tổng thể", mà đến những nghiên cứu

theo vấn đề; chúng có xu hướng không thu thập dữ liệu văn hóa theo nghĩa mà nhà Nhân học vẫn làm, và nói chung chúng chọn các biến số trên một cơ sở tiên nghiệm theo sự chỉ dẫn của những quan tâm về lý thuyết.

Vậy các khái niệm Nhân học có thể khác với những khái niệm dùng trong Xã hội học đô thị không? Ngoài sự nhấn mạnh vào văn hóa, có lẽ không. Các khái niệm trường, quy mô, cấp độ, mạng lưới, hành động và nhóm cùng bản sắc hoặc hệ thống... không khác với những quan tâm của Xã hội học. Hiện đã có sự kết hợp các khái niệm và lý thuyết, nhưng để đạt được một lý thuyết hệ thống có sức sống, Nhân học phải đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong phân tích vi mô. Cống hiến này bắt nguồn từ "truyền thống cổ điển" trong Nhân học cũng như từ sự phát triển các phương pháp và kỹ thuật mới, ngay nếu như các khái niệm mới chưa tới ngay lập tức. Song song với quan điểm của C.W. Mills về Xã hội học, nếu như chúng ta có thể hình dung một sự phân tích kiểu Malinowski hay Nadel về đời sống đô thị, thì rất cần một "trí tưởng tượng Nhân học" trong truyền thống ưu tú nhất của Nhân học.

Nếu như Xã hội học đã xây dựng nên những khởi đầu cho một ngành sinh thái học đô thị và một lý thuyết về hành động, thì cần có trí tưởng tượng Nhân học để cải biến mô hình sinh thái hạn hẹp thành một mô hình có thể nắm bắt được sự phong phú của tương tác xã hội và nền văn hóa và mở rộng lý thuyết hành động để bao gồm được cả những cơ sở nhận thức và văn hóa của nó. Chỉ có thể khai thác được những khía cạnh biểu trưng và mang tính

quá trình của xã hội đô thị bằng việc khảo sát Nhân học theo chiều sâu và hoàn toàn nắm được những vấn đề đặt ra đối với việc nghiên cứu trong một xã hội tổng thể vốn hết sức phức hợp. Rất cần chiếc cầu Nhân học giữa tâm lý học và Xã hội học áp dụng cho đời sống đô thị để đưa sự phức hợp này tới mức có thể quản lý được.

### **Các kỹ thuật**

Phương pháp luận đối với nhà Nhân học làm việc trong môi trường đô thị có lẽ không khác lắm với nhà Nhân học vốn chỉ làm việc với các xã hội nguyên thủy và nông dân. Một sự thay đổi về kỹ thuật nghiên cứu và môi trường nghiên cứu không nhất thiết thay đổi phương pháp luận.

Khác biệt trong kỹ thuật nghiên cứu giữa các nhà Xã hội học với các nhà Nhân học dựa trên cơ sở rằng nhà Nhân học chủ yếu dùng quan sát tham dự, phỏng vấn sâu một số ít người cung cấp thông tin, sử dụng ngôn ngữ bản địa, lấy thống kê dân số theo hộ, vẽ bản đồ, dựng cây phả hệ, dùng các câu chuyện đời và các tư liệu cá nhân khác, và sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật như máy ảnh và băng ghi âm. Mặt khác, nhà Xã hội học hay dùng nhiều hơn các kỹ thuật chọn mẫu hình thức, các bảng hỏi dưới dạng viết trong các cuộc điều tra, phỏng vấn theo cơ cấu, các kỹ thuật thống kê và định lượng, các phương pháp khác nhau để nhận diện các mô hình lãnh đạo cộng đồng, và các kỹ thuật trắc lượng xã hội. Tuy nhiên các kỹ thuật này không phải là sở hữu chỉ của một ngành khoa học duy nhất, và nhà Xã hội học và Nhân học đang kết hợp chúng ngày càng nhiều, tùy theo tính chất của vấn đề nghiên cứu.

Nhà Nhân học nghiên cứu thành phố như thế nào? Anh ta có chuyển trọn gói các kỹ thuật đã lâu đời này vào môi trường đô thị và cố cô lập các "cộng đồng" nhỏ hay các nền tiểu văn hóa rồi bằng cách đó lặp lại hàng loạt các nghiên cứu cộng đồng nhỏ trong lòng cái "cộng đồng lớn"? Nếu thế liệu anh ta có phải sẽ đối mặt với vấn đề là làm sao gắn những nghiên cứu cộng đồng nhỏ này với nhau để cung cấp một bức tranh chỉnh thể? Anh ta có hợp tác với các khoa học hành vi và khoa học xã hội liên quan trong một cách tiếp cận liên ngành hay cách tiếp cận theo đội nghiên cứu, với tất cả mọi vấn đề mà nó kéo theo? Hay anh ta sẽ phát minh ra những kỹ thuật Nhân học mới cho nghiên cứu chuyên biệt này bằng cách rút chúng ra từ Xã hội học và các lĩnh vực khác rồi thay đổi cho thích ứng?

Nhà Nhân học có rất nhiều thứ để đóng góp trong việc nghiên cứu môi trường đô thị, nhưng trong nỗ lực này anh ta phải thay đổi một số khía cạnh thuộc cách tiếp cận của anh ta. Về cơ bản lý thuyết và phương pháp sẽ vẫn như vậy, ít nhất ở cách tiếp cận ban đầu của anh ta. Sau này, khi đã thu được nhiều kinh nghiệm hơn, có lẽ cũng cần có một số thay đổi về phương pháp luận. Mặt khác, sự gia tăng quy mô sẽ cho phép phát triển và áp dụng những kỹ thuật nghiên cứu mới.

Vấn đề tiếp tục coi hệ thống như một chỉnh thể nghĩa là nhà Nhân học phải tiếp cận nghiên cứu của mình theo một trong hai cách. Thứ nhất, anh ta phải tách biệt các cộng đồng bộ phận nhỏ bên trong thành phố hay xã hội phức hợp, và rồi ở kết cục phải cố gắng kết hợp với nhau

hàng loạt những nghiên cứu nhỏ này để anh ta có thể hiểu được toàn thể thành phố hay xã hội. Cách tiếp cận thứ hai cho phép anh ta giữ được khái niệm thuyết chỉnh thể. Anh ta có thể làm việc này bằng cách làm cho khái niệm chọn mẫu ngẫu nhiên thích hợp với những kiểu vấn đề anh ta quan tâm nghiên cứu. Còn về các kỹ thuật mà nhà Nhân học đưa vào phép phân tích theo chiều sâu, rất có thể sẽ tiếp tục nảy sinh các biến thể mới. Quan sát tham dự, nghiên cứu trường hợp mở rộng, phân tích tình huống, các cách tiếp cận khoa học tộc người và người trong cuộc hoặc tiếp cận nhận thức, phân tích sự kiện, nghiên cứu phong trào, phân tích ngôn từ và phân tích nội dung sẽ tiếp tục phát triển với tư cách là bộ phận của sự quan tâm Nhân học cổ điển đến sự giải thích hành vi tình huống. Thêm nữa, các nhà Nhân học phải học cách sử dụng những công cụ của Xã hội học vĩ mô, Kinh tế học và Sử học: điều tra và nghiên cứu hồ sơ lưu trữ, các ghi chép định lượng và dưới dạng viết, chọn mẫu và phân tích tương quan. Phải chú ý ngày càng nhiều hơn tới việc thao tác hóa các biến số, việc đo lường, xây dựng khái niệm, độ tin cậy, và kiểm định khi sử dụng các nguồn thông tin thứ cấp. Chúng ta phải học cách gắn cách tiếp cận Nhân học với các loại chủ đề và vấn đề lớn mà Xã hội học đã quen, nhưng lại không xé lẻ, như Xã hội học có xu hướng rơi vào, thành nhiều tiểu chuyên ngành nông cạn, đi theo các vấn đề. Nếu có gì có thể giúp đỡ hết sức lớn lao trong việc tạo nên sự thống nhất về quan niệm và lý luận cho các khoa học xã hội, thì đó chính là thuyết chỉnh thể cổ điển và

những khái niệm mang tính liên kết của Nhân học.

Các kỹ thuật so sánh các xã hội và các sự kiện tự nhiên (tức là các quá trình xã hội xảy ra bên ngoài tình huống có kiểm soát của phòng thí nghiệm) đã được phát triển tinh tế trong Nhân học văn hóa hơn bất kỳ khoa học xã hội nào khác. Sự so sánh có kiểm soát và các phương pháp liên văn hóa của Nhân học đã được các ngành khoa học anh em khác thi đua làm theo (trừ Kinh tế học, nơi phép phân tích nội tại thịnh hành hơn), và trở thành một vài trong số những công cụ quý báu nhất để xét nghiệm các mệnh đề lý thuyết. Về khía cạnh này, cần xem xét lại toàn bộ những nghiên cứu đô thị để đưa những kết quả từ nghiên cứu cộng đồng, giai cấp, nhân khẩu học, quốc gia, điều tra, tâm thế, và mọi kiểu nghiên cứu xã hội đô thị hoặc phức hợp có thể có khác vào một trật tự so sánh nhằm có thể xét nghiệm các mệnh đề. Ngoài nghiên cứu điển dã theo chiều sâu, cần có trí tưởng tượng Nhân học trong các nghiên cứu đô thị so sánh trong việc phát triển một lý thuyết chung có thể xét nghiệm được bằng cách so sánh. Điểm yếu chính của đại lý thuyết Xã hội học là nó thiếu khả năng xét nghiệm, hoặc nó được trình bày bằng những thuật ngữ không xác định đến mức không thể bác bỏ, và do thiếu sự xét nghiệm như vậy, cũng không sao kiểm định được.

### Nhận xét kết thúc

Có thể tóm tắt những điều mà chúng tôi tin là những vấn đề chủ yếu đối diện với các nhà Nhân học làm việc ở xã hội đô thị và phức hợp như sau. Nếu nhà Nhân

học muốn dẫn mình vào một cuộc thám hiểm học thuật với những cội rễ lịch sử và hệ quả lớn lao, thì việc chú ý đến những công trình có trước đó và có liên quan của các nhà Xã hội học đô thị cùng những ngành khoa học khác về đô thị là cực kỳ quan trọng. Cần nghiên cứu cẩn thận công trình của các chuyên gia đô thị khác và phát triển cách tiếp cận nhóm làm việc liên ngành. Về các nhà Nhân học, Beals nói:

“Rất thường xuyên họ phải phát minh lại các kỹ thuật chọn mẫu, học những thống kê sơ đẳng và thường là không chính xác, và tạo ra những lý thuyết mới và thường là rất sơ đẳng. Như một nhà Xã hội học đã nhận xét, nếu các nhà Nhân học vẫn tiếp tục như cách họ bắt tay vào nghiên cứu nền văn hóa hiện đại, thì với thời gian họ cũng sẽ lại phát minh ra Xã hội học, nhưng thật không may, thứ Xã hội học đó sẽ lạc hậu 50 năm so với lĩnh vực Xã hội học đích thực”.

Chúng tôi đồng ý với câu nói của Despres rằng Nhân học không cần phải chết đi rồi được làm sống lại cuộc đời mới để nghiên cứu xã hội đô thị phức hợp. Một trong những triển vọng quan trọng nhất đối với nhà Nhân học đô thị là khả năng tiến hành những nghiên cứu có tầm xa, nhiều mục đích và có liên quan với nhau trong cùng một lĩnh vực của các Nhân học với các nhà khoa học hành vi khác.

Người ta thường nói đến nhu cầu phát triển một khuôn khổ lý thuyết để bao quát việc nghiên cứu các cấp độ khác nhau của xã hội. Nhà Nhân học chưa đưa ra được loại mô hình lý thuyết cần thiết để làm việc ở thành phố; lý do có thể là những khó khăn bó buộc mà nhà Nhân học ở

thành phố phải chịu khi thường họ làm việc một mình với những nguồn lực hạn hẹp, với những hạn chế về phương pháp luận và các mô hình lý thuyết mà anh ta sẵn có từ trước khi làm việc với các cộng đồng biệt lập, quy mô nhỏ. Chuỗi tương phản dân dã - đô thị của Redfield là một nỗ lực ban đầu nhằm tạo ra một lý thuyết về xã hội phức hợp. Sự phát triển tiếp tục cái khuôn khổ bàn đến ở các trang trước có thể đóng góp vào một lý thuyết chung mang tính chất hệ khái niệm chuẩn mực.

Trong phần trước chúng ta đã nói đủ về các kỹ thuật ở môi trường đô thị. Nhà Nhân học phải giữ lại đủ các kỹ thuật của anh ta ở các xã hội quy mô nhỏ để ở thành phố anh ta vẫn có một nhãn quan vốn vô cùng quý báu với anh ta tại nông thôn. Đồng thời, anh ta phải có ý thức được rằng kích cỡ và tính phức hợp của môi trường nghiên cứu mới đòi hỏi thường xuyên đánh giá lại các kỹ thuật này và tìm ra những kỹ thuật mới để giúp anh ta trong việc thu thập dữ liệu và trình bày vấn đề. Theo quan điểm này, một lý thuyết chung về xã hội phải có được một sự cân bằng giữa những nhãn quan của người trong cuộc với người ngoài cuộc, nghĩa là mô tả không chỉ cách người bản địa nhìn các phân mảnh văn hóa, tức là quan điểm người trong cuộc, mà cả quan điểm người ngoài cuộc, tức là một quan điểm cấu trúc về xã hội.

#### Mai Huy Bích lược dịch

Nguyên bản tiếng Anh: *Anthropological approaches to urban and complex society*, in *The Anthropology of Urban Environments*. Washington D.C: The Society of Applied Anthropology, Monograph N. 11, pp. 109-125.